

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 335/2022/HS-PT

Ngày: 17/5/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Hoàng Văn Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 868/2021/TLPT-HS ngày 07 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo Phan Tiến H, Phan Việt A do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Phan Tiến H, sinh ngày 26/12/1971 tại thị trấn Yên T, huyện Yên T, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm 4 (nay là khối 02) thị trấn Yên T, huyện Yên T, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ Tín dụng nhân dân thị trấn Yên T; Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; con ông Phan Văn C và bà Vũ Thị Đ; có vợ là Phan Thị T và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/02/2020 đến ngày 11/6/2020 được hủy bỏ tạm giam cho gia đình bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Việt A, sinh ngày 14/10/1971 tại thị trấn Yên T, huyện Yên T, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Khối 01 (nay là khối 3) thị trấn Yên T, huyện Yên T, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Yên T, huyện Yên T, tỉnh Nghệ An; Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; con ông Phan Thanh K và bà Phạm Thị Phương T1; có vợ là Lê

Thị Thu H1 và có 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/10/2019 đến ngày 22/01/2020 được hủy bỏ tạm giam cho gia đình bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Yên T (Quỹ tín dụng) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 35/GĐ.NHNN ngày 28/10/1996 do Giám đốc Ngân hàng Nhà nước tỉnh Nghệ An cấp; được cấp phép hoạt động trong lĩnh vực tín dụng bao gồm: Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân; nhận tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; cho vay thành viên, các hộ nghèo không phải là thành viên trong địa bàn hoạt động; góp vốn, nhận ủy thác; hoạt động trên địa bàn các xã H4 T, Tăng T, Văn T và thị trấn Yên T. Đại hội Đại biểu thành viên nhiệm kỳ 2015 - 2020 (ngày 27/01/2015) đã bầu các thành viên trong Hội đồng quản trị gồm: Phan Tiến H - Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT), Phan Việt A - Giám đốc, Hoàng Đình H2 - Phó giám đốc và có khoảng 2.500 thành viên tham gia. Thời gian này, Quỹ hoạt động bằng nguồn vốn tự có, vốn điều lệ, vốn huy động và vốn vay từ Ngân hàng hợp tác trung ương; hình thức chủ yếu là cho nhân dân trên địa bàn vay vốn nhằm mục đích phục vụ sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cải thiện đời sống và huy động vốn từ tiền gửi của thành viên, tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

Trong năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Yên T có nhiều dấu hiệu thua lỗ, dư nợ xấu tăng. Để tái cơ cấu tổ chức và tiếp tục hoạt động, nhằm tránh sự kiểm tra, giám sát, đặc biệt là của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Nghệ An; từ ngày 17/8/2017 đến ngày 28/6/2018 Phan Việt A (nguyên Giám đốc Quỹ tín dụng), Phan Tiến H (nguyên Chủ tịch HĐQT Quỹ tín dụng) và Hoàng Đình H2 (nguyên Phó giám đốc Quỹ tín dụng) đã thống nhất chủ trương chỉ đạo cán bộ dưới quyền giả mạo chữ ký của người khác, lập không 04 hồ sơ vay vốn; quyết định phê duyệt hồ sơ vay vốn khi không đảm bảo đầy đủ các thủ tục, điều kiện, không đúng quy trình vay vốn; chỉ đạo cán bộ tín dụng, kế toán, kiểm soát, thủ quỹ lập các chứng từ thu, chi giải ngân số tiền 5.913.358.000 (*Năm tỷ chín trăm mười ba triệu, ba trăm năm tám nghìn đồng*), của các khách hàng mang tên Phạm Thị Phương T1 (được tất toán bằng hồ sơ vay vốn Lê Thị Thu H1), Phan Thị T và Phạm Thị T2 để lấy tiền tất toán cho 15 khách hàng xếp vào nợ xấu của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Yên T trái pháp luật, cụ thể:

1/ Hồ sơ vay vốn của Phan Thị T:

Hồ sơ vay vốn của Hợp đồng tín dụng số 211110.04.17024/HĐTD ngày 17/8/2017, mang tên Phan Thị T (vợ Phan Tiến H, bị cáo trong vụ án), vay số tiền 2 tỷ đồng; tài sản thế chấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BA 938652 do UBND huyện Yên T cấp ngày 07/8/2010, thửa đất số 97, tờ bản đồ số 07, diện tích 248,4 m² tại xóm 4, thị trấn Yên T; tài sản gắn liền với đất là nhà đổ bằng gian lòi, trên lợp mái ngói gồm 02 gian, 02 phòng và 01 nhà mái ngói 02 gian làm quán bán hàng tạp hóa. Tổng giá trị tài sản thế chấp 3 tỷ đồng. Hồ sơ vay vốn này có các sai phạm: Phan Việt A và Phan Tiến H chỉ đạo Nguyễn Thị H3, cán bộ Quỹ tín dụng, tự lập hồ sơ và nhờ người khác ký không tên Phan Thị T (vợ Phan Tiến H) vào các tài liệu trong hồ sơ vay vốn; cán bộ tín dụng không trực tiếp thẩm định về nhu cầu vay vốn, khả năng trả nợ, giá trị tài sản thế chấp. Sau khi lập xong hồ sơ Nguyễn Thị H3 trình Phan Việt A (giám đốc), Phan Tiến H (trưởng Ban tín dụng) phê duyệt. Phan Việt A, Phan Tiến H, thống nhất chỉ đạo Lãng Minh C1 (kế toán trưởng) chỉ đạo các cá nhân liên quan lập pH chi tiền, C1 giao cho Nguyễn Thị H4 (kế toán viên), Phan Thị H5 (thủ quỹ) lập PH chi số 0023/PC ngày 18/8/2017 chi số tiền 2 tỷ đồng, trong đó chi 1.680.905.000 đồng, trả nợ cho khoản vay của 05 khách hàng xếp vào nợ xấu gồm: Nguyễn Thị H6 (xóm 5, thị trấn Yên T) 400 triệu đồng, Phan Thị Y (xóm 7, xã Tăng T, Yên T) 689.531.000 đồng, Phan Bá H4 (xóm 3, xã H4 T, Yên T) 220 triệu đồng, Phan Thị L (xóm 3, xã H4 T, Yên T) 344 triệu đồng, Phạm Thị T3 (xóm 9, xã Văn T, Yên T) 27.374.000 đồng. Số tiền 1.680.905.000 đồng, Phan Tiến H không nhận tiền mặt, Lãng Minh C1 (kế toán), Đào Thị B (cán bộ kiểm soát), Phan Thị H5 (thủ quỹ), Trần Ngọc A (thủ quỹ) lập 05 chứng từ pH thu số 0016, 0017, 0018, 0019, 007 ngày 18/8/2017 để lưu hồ sơ và khấu trừ trên sổ sách của 05 khách hàng nợ xấu trên, còn lại số tiền 319.095.000 đồng, Phan Tiến H nhận tiền mặt tại Quỹ và chi cho các khoản gồm: trả 170 triệu đồng H vay để mua xe máy năm 2017; Trả 100.000.000 đồng H vay để vào thành viên cho khách hàng gửi tiền tại quỹ đảm bảo theo Thông tư 04 của ngân hàng; Trả 50.000.000 đồng Quỹ tín dụng NDTT Yên T thuê đội bóng chuyên đánh nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập thị trấn Yên T. Hợp đồng này đến nay Phan Tiến H mới chỉ trả 170.000.000 đồng hiện đang dư nợ số tiền gốc: 1.830.000.000 đồng.

2/ Hồ sơ vay vốn của Phạm Thị T2:

Hồ sơ vay vốn của Hợp đồng tín dụng số 211110.06.16046 ngày 26/12/2017, mang tên Phan Thị T4 (vợ của Hoàng Đình H2), vay số tiền 1.415.200.000 đồng. Thế chấp bằng tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 067133 do UBND huyện Yên T cấp ngày 01/9/2015, thửa đất số 1098, tờ bản đồ số 00 (QH-2012), diện tích 145 m², địa chỉ thửa đất: phía tây Trường THPT Phan Đăng L, thị

trần Yên T, Nghệ An. Tài sản gắn liền với đất là nhà 03 tầng gồm 10 phòng, công trình vệ sinh khép kín và các công trình khác gắn liền với đất. Tổng giá trị tài sản thế chấp 2 tỷ đồng. Hồ sơ vay vốn này có các sai phạm: Phan Việt A và Hoàng Đình H2 chỉ đạo cán bộ Quỹ tín dụng, lập hồ sơ và nhờ người khác ký không tên Phan Thị T4 (vợ Hoàng Đình H2). Trên thực tế hồ sơ này không có tài sản thế chấp, mục đích trong hồ sơ vay vốn ghi: vay vốn để phát triển kinh doanh sửa chữa bảo dưỡng xe hơi, nhưng thực chất là lấy tiền vay để thanh toán nợ xấu. Cán bộ tín dụng không trực tiếp thẩm định về nhu cầu vay vốn, khả năng trả nợ. Sau khi lập xong hồ sơ Nguyễn Thị H3 trình Phan Việt A (giám đốc), Hoàng Đình H2 (phó giám đốc) và Phan Tiến H (trưởng ban tín dụng) phê duyệt. Sau đó Phan Việt A và Hoàng Đình H2 thống nhất chỉ đạo Lăng Minh C1 (kế toán trưởng) chỉ đạo các cá nhân liên quan làm thủ tục giải ngân, số tiền 1.415.200.000 đồng. Tại chứng từ pH chi số 0068/PC ngày 26/12/2017 Đào Thị B (cán bộ kiểm soát), Phan Thị H5 (thủ quỹ) đã ký tên trên pH chi này để chi số tiền 1.415.200.000 đồng, trả nợ cho các khoản vay của 05 khách hàng xếp vào nợ xấu gồm: Nguyễn Thị N (xóm 14, xã H4 T, Yên T) 500 triệu đồng; Phan Thị T5 (xóm 3, thị trấn Yên T) 854 triệu đồng, Phan Doãn Q (xóm 5, thị trấn Yên T) 30 triệu đồng, Lê Công T1 (trạm khảo nghiệm giống cây trồng huyện Yên T) 27.158.000 đồng, Bùi Bá D (khối 11, thị trấn Yên T) 2.200.000 đồng. Trên thực tế Hoàng Đình H2 không nhận tiền mặt mà Lăng Thị Minh C1 (kế toán), Đào Thị B (cán bộ kiểm soát), Phan Thị H5 (thủ quỹ), Trần Ngọc A (thủ quỹ) lập 05 chứng từ pH thu số 0060, 0061, 0062, 0063, 0064 ngày 26/12/2017, tổng số tiền 1.413.358.000 đồng, để lưu hồ sơ và khấu trừ trên sổ sách của 05 khách hàng nợ xấu nêu trên. Hợp đồng này đến nay đã hết thời hạn vay vốn, nhưng mới chỉ trả 1.842.000 đồng tiền gốc, hiện còn dư nợ gốc số tiền 1.413.358.000 đồng.

3/ Hồ sơ vay vốn của Phạm Thị Phương T1:

Ngày 03/5/2018 Phan Việt A chỉ đạo Nguyễn Thị H3 (cán bộ thẩm định Quỹ tín dụng NDTT Yên T) lập không hồ sơ vay vốn mang tên Phạm Thị Phương T1 (mẹ ruột Phan Việt A) để vay số tiền 2,5 tỷ đồng. Cụ thể Nguyễn Thị H3 soạn thảo hợp đồng tín dụng số 212110.06.18011/HĐTD ngày 03/5/2018 có nội dung: Đại diện bên cho vay: ông Phan Việt A, chức vụ: Giám đốc Quỹ tín dụng NDTT Yên T. Bên vay: Phạm Thị Phương T1, trú khối 1 thị trấn Yên T; số tiền vay 2,5 tỷ đồng. Tài sản thế chấp gồm: Giấy chứng nhận QSD đất số BL 049010 do UBND huyện Yên T cấp ngày 03/12/2012 cho Phan Việt A và vợ là Lê Thị Thu H1, thửa đất số 830, tờ bản đồ số 00 (QH2003), diện tích 84 m², địa chỉ khối 1 thị trấn Yên T, tài sản gắn liền trên đất là căn nhà 3 tầng, gồm 10 phòng, giá trị đất ở và tài sản gắn liền với đất là 1,5 tỷ đồng; Tài sản thứ 2 xe ô tô con nhãn hiệu: HONDA Biển

kiểm soát: 37A- 06828 chủ xe Phan Việt A, trị giá 1,1 tỷ đồng. Phan Việt A, trực tiếp ký giả tên Phạm Thị Phương T1 dưới mục Bên vay của hợp đồng tín dụng. Sau đó Phan Việt A chỉ đạo Nguyễn Thị H3 soạn thảo hợp đồng thế chấp tài sản số: 500/QTD/HĐTCTS ngày 03/5/2018 có nội dung: Bên nhận thế chấp: Phan Việt A, Giám đốc Quỹ tín dụng; Bên thế chấp: Phạm Thị Phương T1 và Lê Thị Thu H1 (vợ Phan Việt A) tuy nhiên hợp đồng này không có chữ ký của bên thế chấp, chỉ có chữ ký của bên nhận thế chấp. Trên thực tế hồ sơ vay vốn này không có tài sản thế chấp, Phan Việt A chỉ đạo Nguyễn Thị H3 chỉ đưa thông tin về tài sản thế chấp. Phan Việt A còn chỉ đạo Nguyễn Thị H3 làm giả giấy đề nghị vay vốn mang tên Phạm Thị Phương T1 và Biên bản xác định tài sản đảm bảo, trong 02 tài liệu này không có chữ ký của các thành phần có tên trong biên bản và giấy đề nghị vay vốn. Sau khi soạn thảo xong các loại giấy tờ trên Phan Việt A tự ký quyết định cho vay, không có bất kỳ báo cáo nào của cán bộ thẩm định hồ sơ đề xuất cho vay vốn; không có hợp đồng giao dịch đảm bảo theo quy định; không có ý kiến phê duyệt của hội đồng cho vay và Ban tín dụng, hồ sơ vay vốn không có đầy đủ các tài liệu, sai quy định của Điều lệ hoạt động của Quỹ tín dụng. Sau khi lập xong hồ sơ vay vốn Phan Việt A chỉ đạo Lăng Thị Minh C1 và bộ phận kế toán lập chứng từ chi số tiền 1.390.000.000 đồng, trả nợ cho khoản vay của 05 khách hàng xếp vào nợ xấu gồm: Thái Thị N1 (xóm 1, xã Tăng T, Yên T) 333 triệu đồng, Nguyễn Thị O (xóm 2, xã H4 T, Yên T) 400 triệu đồng, Phan Xuân C1 (xóm 3, xã H4 T, Yên T) 170 triệu đồng, Phan Thị N1 (xóm 1, xã H4 T, Yên T) 80 triệu đồng và Tôn Quang A (xóm 1, xã Tăng T, Yên T) 407 triệu đồng. Số tiền 1.390.000.000 đồng này, Phan Việt A không nhận tiền mặt mà chỉ đạo cán bộ kế toán, kiểm soát, thủ quỹ, lập pH thu khấu trừ trên sổ sách, còn lại số tiền 1.110.000.000 đồng, Phan Việt A sử dụng chi như sau: Trả nợ tiền gốc của hồ sơ lập không mang tên Phạm Thị Phương T1 (lập trước đó): 850.000.000 đồng; Trả nợ tiền lãi hồ sơ vay vốn cũ mang tên Phạm Thị Phương T1 (đến ngày 04/5/2018): 14.507.000 đồng; hoàn ứng lương từ năm 2007 đến 2011 được thủ quỹ Phan Thị H5 chi trong sổ theo dõi các khoản chi để ngoài sổ sách: 122.060.000 đồng; còn lại: 123.433.000 đồng Phan Việt A nhận tiền mặt tại quỹ sử dụng cá nhân. Đến ngày 25/6/2018, Đoàn thanh tra Ngân hàng nhà nước, Chi nhánh tỉnh Nghệ An kiểm tra Quỹ tín dụng NDTT Yên T, phát hiện sai phạm của hồ sơ vay vốn Phạm Thị Phương T1, Phan Việt A đã chỉ đạo lập hồ sơ vay vốn trái quy định của khách hàng mang tên Lê Thị Thu H1 (vợ của Phan Việt A) để vay số tiền 2,5 tỷ đồng tất toán cho hồ sơ vay vốn Phạm Thị Phương T1.

4/ Hồ sơ vay vốn của Lê Thị Thu H1:

Hồ sơ vay vốn của Hợp đồng tín dụng số 212110.06.18015 HĐTD ngày 28/6/2018 mang tên Lê Thị Thu H1 (vợ của Phan Việt A, bị cáo trong vụ án), vay

số tiền 2,5 tỷ đồng. Tài sản thế chấp gồm: Giấy chứng nhận QSD đất số BL 049010 do UBND huyện Yên T cấp ngày 03/12/2012 cho Phan Việt A và vợ Lê Thị Thu H1, thửa đất số 830, tờ bản đồ số 00 (QH2003), diện tích 84 m², địa chỉ khối 1 thị trấn Yên T; tài sản gắn liền trên đất là căn nhà 3 tầng, gồm 10 phòng; Xe ô tô con nhãn hiệu: HONDA, màu sơn: Titan, BKS 37A- 06828 cấp ngày 28/9/2012 chủ xe Phan Việt A. Tổng giá trị tài sản thế chấp ghi 2,6 tỷ đồng. Hồ sơ có các sai phạm: Đơn vay vốn không ghi rõ số tiền xin vay bao nhiêu; Không có biên bản định giá tài sản thế chấp đất và xe ô tô; cán bộ thẩm định không trực tiếp thẩm định tài sản mà tự ghi giá trị tài sản vào hợp đồng vay vốn. Mục đích sử dụng tiền vay trong hợp đồng vay vốn ghi phát triển kinh tế gia đình- thanh toán nợ cho thành viên. Phan Việt A chỉ đạo Nguyễn Thị H4 (kế toán viên), Đào Thị B (cán bộ kiểm soát), Nguyễn Thị O (thủ quỹ) lập PH chi số 0112/PC ngày 09/7/2018 chi số tiền 2,5 tỷ đồng và lập PH thu số 0048/PT ngày 09/7/2018 thu số tiền 2,5 tỷ đồng để tắt toán cho hồ sơ vay vốn Phạm Thị Phương T1. Trên thực tế hồ sơ này lập ra nhằm mục đích lấy số tiền 2,5 tỷ đồng tắt toán cho hồ sơ lập khống của khách hàng Phạm Thị Phương T1. Hồ sơ này tính đến ngày 25/5/2019 Phan Việt A đã trả 210.413.000 đồng tiền lãi suất, còn lại số tiền gốc 2,5 tỷ chưa trả đồng nào.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An, giám định chữ ký, chữ viết của các khách hàng vay vốn Phan Thị T4, Phan Thị T, Phạm Thị Phương T1, Lê Thị Thu H1, trên các tài liệu, chứng từ liên quan của các hồ sơ tín dụng; chữ ký, chữ viết của bị can Phan Việt A, Phan Tiến H, Hoàng Đình H2, Nguyễn Thị H3, Lăng Thị Minh C1, Đào Thị B, Phan Thị H5, Nguyễn Thị H4, Nguyễn Thị O, trên các tài liệu; các chứng từ pH thu tiền, pH chi tiền, bảng kê các loại tiền lĩnh, chứng từ chuyển khoản, pH xuất ngoại bang... của các hồ sơ vay vốn Phan Thị Phương T1, Lê Thị Thu H1, Phan Thị T, Phan Thị T4 và 15 hồ sơ khách hàng xếp vào nợ xấu đã được tắt toán.

- *Kết luận giám định số 327/KL-KTHS ngày 09/9/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An, đối với hồ sơ vay vốn mang tên Phan Thị T4 (bút lục số 08-09 tập hồ sơ số 6) kết luận:*

+ Hình dấu tròn “QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN THỊ TRẤN YÊN T” trên “HỢP ĐỒNG CHO VAY TỪNG LẦN NGẮN HẠN” ký hiệu A1; hình dấu tròn “QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN THỊ TRẤN YÊN T” trên “TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH VÀ ĐỀ NGHỊ DUYỆT CHO KHÁCH HÀNG VAY VỐN KIỂM DUYỆT VAY CỦA GIÁM ĐỐC, BAN TÍN DỤNG” ký hiệu A6 so với hình dấu tròn “QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN THỊ TRẤN YÊN T” trên “BIÊN BẢN THU THẬP MẪU DẤU” ký hiệu M1 là do cùng một con dấu đóng ra.

+ Chữ viết “Phan Thị T4” dưới mục “KHÁCH HÀNG” trên “HỢP ĐỒNG CHO VAY TỪNG LẦN NGẮN HẠN” ký hiệu A1; chữ viết trên “GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN” ký hiệu A2; chữ viết trên “GIẤY CAM KẾT VAY VỐN” ký hiệu A3; chữ viết trên “BẢN CAM KẾT” ký hiệu A4; chữ viết “Phan Thị T4” dưới mục “THÀNH VIÊN VAY VỐN” trên “BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH TÀI SẢN ĐẢM BẢO” ký hiệu A5 so với chữ viết của Phan Thị T4 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2, M3 không phải do cùng một người viết ra.

+ Chữ ký mang tên Phan Việt A dưới mục “QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN” trên “HỢP ĐỒNG CHO VAY TỪNG LẦN NGẮN HẠN” ký hiệu A1; chữ ký mang tên Phan Việt A dưới mục “Giám đốc” và “Phó ban” trên “TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH VÀ ĐỀ NGHỊ DUYỆT CHO KHÁCH HÀNG VAY VỐN KIỂM DUYỆT VAY CỦA GIÁM ĐỐC, BAN TÍN DỤNG” ký hiệu A6 so với chữ ký của Phan Việt A trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M4, M5, M6, M7 là do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký, chữ viết “Hoàng Đình H2” dưới mục “Người thừa kế” trên “GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN” ký hiệu A2; chữ ký, chữ viết “Hoàng Đình H2” dưới mục “Người thừa kế” trên “GIẤY CAM KẾT VAY VỐN” ký hiệu A3 so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Đình H2 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M8, M9, M10 là do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Thị H3 dưới mục “CÁN BỘ ĐÁNH GIÁ TÀI SẢN ĐẢM BẢO NỢ VAY” trên “BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH TÀI SẢN ĐẢM BẢO” ký hiệu A5; chữ ký, chữ viết “Nguyễn Thị H3” dưới mục “Cán bộ thẩm định” trên “TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH VÀ ĐỀ NGHỊ DUYỆT CHO KHÁCH HÀNG VAY VỐN KIỂM DUYỆT VAY CỦA GIÁM ĐỐC, BAN TÍN DỤNG” ký hiệu A6 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị H3 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M11, M12, M13, M14 là do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký mang tên Phan Tiến H dưới mục “Trưởng ban” trên “TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH VÀ ĐỀ NGHỊ DUYỆT CHO KHÁCH HÀNG VAY VỐN KIỂM DUYỆT VAY CỦA GIÁM ĐỐC, BAN TÍN DỤNG” ký hiệu A6 so với chữ ký của Phan Tiến H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M15, M16, M17, M18 là do cùng một người ký ra.

- *Kết luận giám định số 328/KL-KTHS ngày 11/9/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An, đối với hồ sơ vay vốn mang tên Phạm Thị Phương T1 (bút lục số 10-11 tập hồ sơ số 6)) kết luận:*

+ Hình dấu tròn “QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN THỊ TRẤN YÊN T” trên “HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG” ký hiệu A1; hình dấu tròn “QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN THỊ TRẤN YÊN T” trên “HỢP ĐỒNG THẾ CHẤP TÀI SẢN” ký hiệu A2 so

với hình dấu tròn “QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN THỊ TRẤN YÊN T” trên “BIÊN BẢN THU THẬP MẪU DẤU” ký hiệu M1 là do cùng một con dấu đóng ra.

+ Chữ ký, chữ viết “P. Thị Phương T1” dưới mục “BÊN VAY” trên “HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG” ký hiệu A1; chữ viết trên “GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN” ký hiệu A3 so với chữ ký, chữ viết của Phạm Thị Phương T1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2, M3, M8 không phải do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký mang tên Phan Việt A dưới mục “BÊN CHO VAY” trên “HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG” ký hiệu A1; chữ ký mang tên Phan Việt A dưới mục “BÊN NHẬN THẾ CHẤP” trên “HỢP ĐỒNG THẾ CHẤP TÀI SẢN” ký hiệu A2 so với chữ ký của Phan Việt A trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M4, M5, M6, M7 là do cùng một người ký ra.

- *Kết luận giám định số 329/KL-KTHS ngày 12/9/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An, đối với hồ sơ vay vốn mang tên Lê Thị Thu H1, (bút lục số 12-14 tập hồ sơ số 6)) kết luận:*

+ Hình dấu tròn “QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN THỊ TRẤN YÊN T” trên “HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG” ký hiệu A1; hình dấu tròn “QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN THỊ TRẤN YÊN T” trên “ĐƠN YÊU CẦU ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” ký hiệu A3; hình dấu tròn “QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN THỊ TRẤN YÊN T” trên “HỢP ĐỒNG THẾ CHẤP TÀI SẢN” ký hiệu A4; hình dấu tròn “QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN THỊ TRẤN YÊN T” trên “HỢP ĐỒNG THẾ CHẤP TÀI SẢN” ký hiệu A5; hình dấu tròn “QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN THỊ TRẤN YÊN T” trên “ĐƠN YÊU CẦU ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM, HỢP ĐỒNG, THÔNG BÁO VIỆC KÊ BIÊN” ký hiệu A6; hình dấu tròn “QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN THỊ TRẤN YÊN T” trên “BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH TÀI SẢN ĐẢM BẢO” ký hiệu A7 so với hình dấu tròn “QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN THỊ TRẤN YÊN T” trên “BIÊN BẢN THU THẬP MẪU DẤU” ký hiệu M1 là do cùng một con dấu đóng ra.

+ Chữ ký “H”, chữ viết “Lê Thị Thu H1” dưới mục “BÊN VAY” trên “HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG” ký hiệu A1; chữ ký “H”, chữ viết “Lê Thị Thu H1” dưới mục “Người vay vốn” trên “GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN” ký hiệu A2; chữ ký “H”, chữ viết “Lê Thị Thu H1” dưới mục “BÊN THẾ CHẤP” trên “ĐƠN YÊU CẦU ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” ký hiệu A3; chữ ký “H”, chữ viết “Lê Thị Thu H1” dưới mục “BÊN THẾ CHẤP” trên “HỢP ĐỒNG THẾ CHẤP TÀI SẢN” ký hiệu A4; chữ ký “H”, chữ viết “Lê Thị Thu H1” dưới mục “BÊN THẾ CHẤP” trên “HỢP ĐỒNG THẾ CHẤP TÀI SẢN” ký hiệu A5; chữ ký “H”, chữ viết “Lê Thị Thu H1” dưới mục “Đại diện khách hàng vay” trên “BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH TÀI SẢN ĐẢM BẢO” ký hiệu A7 so với chữ

ký, chữ viết của Lê Thị Thu H1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2, M3, M4, M5 là do cùng một người ký, viết ra. Chữ viết (trừ chữ viết “Lê Thị Thu H1” dưới mục “Người vay vốn”) trên “GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN” ký hiệu A2 so với chữ viết của Lê Thị Thu H1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2, M3, M4, M5 không phải do cùng một người viết ra.

+ Chữ ký mang tên Phan Việt A, chữ viết “Phan Việt A” dưới mục “BÊN VAY” trên “HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG” ký hiệu A1; chữ ký mang tên Phan Việt A, chữ viết (trừ chữ viết “Lê Thị Thu H1” dưới mục “Người vay vốn”) trên “GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN” ký hiệu A2; chữ ký mang tên Phan Việt A, chữ viết “Phan Việt A” dưới mục “BÊN THẾ CHẤP” trên “ĐƠN YÊU CẦU ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” ký hiệu A3; chữ ký mang tên Phan Việt A, chữ viết “Phan Việt A” dưới mục “BÊN THẾ CHẤP” trên “HỢP ĐỒNG THẾ CHẤP TÀI SẢN” ký hiệu A4; chữ ký mang tên Phan Việt A, chữ viết “Phan Việt A” dưới mục “BÊN THẾ CHẤP” trên “HỢP ĐỒNG THẾ CHẤP TÀI SẢN” ký hiệu A5; chữ ký mang tên Phan Việt A, chữ viết “Phan Việt A” dưới mục “BÊN ĐẢM BẢO” trên “ĐƠN YÊU CẦU ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM, HỢP ĐỒNG, THÔNG BÁO VIỆC KÊ BIÊN” ký hiệu A6; chữ ký mang tên Phan Việt A, chữ viết “Phan Việt A” dưới mục “Đại diện khách hàng vay” trên “BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH TÀI SẢN ĐẢM BẢO” ký hiệu A7; chữ ký dưới mục “Phó ban” trên “TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH VÀ ĐỀ NGHỊ DUYỆT CHO KHÁCH HÀNG VAY VỐN KIỂM DUYỆT VAY CỦA GIÁM ĐỐC, BAN TÍN DỤNG” ký hiệu A8 so với chữ ký, chữ viết của Phan Việt A trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M6, M7, M8, M9 là do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết “Nguyễn Thị H3” dưới mục “Cán bộ tín dụng” trên “BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH TÀI SẢN ĐẢM BẢO” ký hiệu A7; chữ ký, chữ viết “Nguyễn Thị H3” dưới mục “Cán bộ thẩm định” trên “TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH VÀ ĐỀ NGHỊ DUYỆT CHO KHÁCH HÀNG VAY VỐN KIỂM DUYỆT VAY CỦA GIÁM ĐỐC, BAN TÍN DỤNG” ký hiệu A8 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị H3 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M13, M14, M15, M16 là do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký mang tên Hoàng Đình H2 dưới mục “BÊN CHO VAY” trên “HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG” ký hiệu A1; chữ ký mang tên Hoàng Đình H2 dưới mục “BÊN NHẬN THẾ CHẤP” trên “ĐƠN YÊU CẦU ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” ký hiệu A3; chữ ký mang tên Hoàng Đình H2 dưới mục “BÊN NHẬN THẾ CHẤP” trên “HỢP ĐỒNG THẾ CHẤP TÀI SẢN” ký hiệu A4; chữ ký mang tên Hoàng Đình H2 dưới mục “BÊN NHẬN THẾ CHẤP” trên “HỢP ĐỒNG THẾ CHẤP TÀI SẢN” ký hiệu A5; chữ ký mang tên

Hoàng Đình H2 dưới mục “BÊN NHẬN BẢO ĐẢM” trên “ĐƠN YÊU CẦU ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM, HỢP ĐỒNG, THÔNG BÁO VIỆC KÊ BIÊN” ký hiệu A6; chữ ký mang tên Hoàng Đình H2 dưới mục “P. Giám đốc” trên “BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH TÀI SẢN ĐẢM BẢO” ký hiệu A7; chữ ký mang tên Hoàng Đình H2 dưới mục “Giám đốc” và “Ban viên” trên “TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH VÀ ĐỀ NGHỊ DUYỆT CHO KHÁCH HÀNG VAY VỐN KIỂM DUYỆT VAY CỦA GIÁM ĐỐC, BAN TÍN DỤNG” ký hiệu A8 so với chữ ký của Hoàng Đình H2 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M10, M11, M12 là do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký mang tên Phan Tiến H dưới mục “Trưởng ban” trên “TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH VÀ ĐỀ NGHỊ DUYỆT CHO KHÁCH HÀNG VAY VỐN KIỂM DUYỆT VAY CỦA GIÁM ĐỐC, BAN TÍN DỤNG” ký hiệu A8 so với chữ ký của Phan Tiến H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M17, M18, M19, M20 là do cùng một người ký ra.

- *Kết luận giám định số 330/KL-KTHS ngày 13/9/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An, đối với hồ sơ vay vốn mang tên Phan Thị T (bút lục số số 15-17 tập hồ sơ số 6)) kết luận:*

+ Hình dấu tròn “QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN THỊ TRẤN YÊN T” trên “HỢP ĐỒNG CHO VAY TỪNG LẦN NGẮN HẠN” ký hiệu A1 so với hình dấu tròn “QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN THỊ TRẤN YÊN T” trên “BIÊN BẢN THU THẬP MẪU DẤU” ký hiệu M16 là do cùng một con dấu đóng ra.

+ Hình dấu tròn “QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN THỊ TRẤN YÊN T” trên “ĐƠN YÊU CẦU ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” ký hiệu A3; hình dấu tròn “QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN THỊ TRẤN YÊN T” trên “HỢP ĐỒNG THẾ CHẤP TÀI SẢN” ký hiệu A4 so với hình dấu tròn “QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN THỊ TRẤN YÊN T” trên “ĐƠN XIN RA THÀNH VIÊN” ký hiệu M17 là do cùng một con dấu đóng ra.

+ Chữ ký mang tên Phan Thị T, chữ viết “Phan Thị T” dưới mục “KHÁCH HÀNG” trên “HỢP ĐỒNG CHO VAY TỪNG LẦN NGẮN HẠN” ký hiệu A1; chữ ký mang tên Phan Thị T dưới mục “Người vay vốn”, chữ viết trên “GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN” ký hiệu A2; chữ ký mang tên Phan Thị T, chữ viết “Phan Thị T” dưới mục “BÊN THẾ CHẤP” trên “ĐƠN YÊU CẦU ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” ký hiệu A3; chữ ký mang tên Phan Thị T, chữ viết “Phan Thị T” dưới mục “BÊN THẾ CHẤP” trên “HỢP ĐỒNG THẾ CHẤP TÀI SẢN” ký hiệu A4; chữ ký mang tên Phan Thị T, chữ viết “Phan Thị T” dưới mục “THÀNH VIÊN VAY VỐN” trên “BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH TÀI SẢN ĐẢM BẢO” ký hiệu A5; chữ ký mang tên Phan Thị T, chữ viết “Phan Thị T” dưới mục “ĐẠI DIỆN THÀNH VIÊN VAY VỐN” trên “BIÊN

BẢN Kiểm tra, xác minh mục đích sử dụng vốn” ký hiệu A7 so với chữ ký, chữ viết của Phan Thị T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 không phải do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký mang tên Phan Tiến H, chữ viết “Phan Tiến H” dưới mục “KHÁCH HÀNG” trên “HỢP ĐỒNG CHO VAY TỪNG LẦN NGẮN HẠN” ký hiệu A1; chữ ký mang tên Phan Tiến H, chữ viết “Phan Tiến H” dưới mục “Người thừa kế” trên “GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN” ký hiệu A2; chữ ký mang tên Phan Tiến H, chữ viết “Phan Tiến H” dưới mục “BÊN THẾ CHẤP” trên “ĐƠN YÊU CẦU ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” ký hiệu A3; chữ ký mang tên Phan Tiến H, chữ viết “Phan Tiến H” dưới mục “BÊN THẾ CHẤP” trên “HỢP ĐỒNG THẾ CHẤP TÀI SẢN” ký hiệu A4; chữ ký mang tên Phan Tiến H, chữ viết “Phan Tiến H” dưới mục “NGƯỜI THỪA KẾ” trên “BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH TÀI SẢN ĐẢM BẢO” ký hiệu A5; chữ ký dưới mục “Trưởng ban” trên “BÁO CÁO THẨM ĐỊNH” ký hiệu A6 so với chữ ký, chữ viết của Phan Tiến H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M8, M9, M10, M11 là do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký mang tên Phan Việt A dưới mục “QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN” trên “HỢP ĐỒNG CHO VAY TỪNG LẦN NGẮN HẠN” ký hiệu A1; chữ ký mang tên Phan Việt A dưới mục “BÊN NHẬN THẾ CHẤP” trên “ĐƠN YÊU CẦU ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” ký hiệu A3; chữ ký mang tên Phan Việt A dưới mục “BÊN NHẬN THẾ CHẤP” trên “HỢP ĐỒNG THẾ CHẤP TÀI SẢN” ký hiệu A4; chữ ký dưới mục “Giám đốc” và “Phó ban” trên “BÁO CÁO THẨM ĐỊNH” ký hiệu A6 so với chữ ký của Phan Việt A trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M4, M5, M6, M7 là do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Thị H3 dưới mục “CÁN BỘ ĐÁNH GIÁ TÀI SẢN ĐẢM BẢO NỢ VAY” trên “BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH TÀI SẢN ĐẢM BẢO” ký hiệu A5; chữ ký mang tên Nguyễn Thị H3, chữ viết “Nguyễn Thị H3” dưới mục “Cán bộ thẩm định” trên “BÁO CÁO THẨM ĐỊNH” ký hiệu A6 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị H3 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M12, M13, M14, M15 là do cùng một người ký, viết ra.

- *Kết luận giám định số 88/KL-PC09(Đ3) ngày 16/3/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An, (bút lục số 36-38 tập hồ sơ số 6)) kết luận:*

+ Chữ viết "Phan Thị T4" dưới mục "Người nhận" trên "PH CHI" ký hiệu A1; chữ viết "Phan Thị T4" dưới mục "KHÁCH HÀNG" trên "GIẤY NHẬN NỢ" ký hiệu A2; chữ viết "Phan Thị T4" dưới mục "NGƯỜI LĨNH TIỀN" trên "BẢNG KÊ CÁC LOẠI TIỀN LĨNH" ký hiệu A3; chữ viết "Phan Thị T4" dưới mục

"Người nộp" trên 02 "PH THU" ký hiệu A9, A10; chữ viết "T" dưới mục "Người nộp" trên "PH THU" ký hiệu A11; chữ viết "Phan Thị T4" dưới mục "NGƯỜI NỘP TIỀN" trên "BẢNG KÊ CÁC LOẠI TIỀN NỘP" ký hiệu A17 so với chữ viết của Phan Thị T4 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M2 đến M4 không phải là do cùng một người viết ra.

+ Chữ ký dưới mục "XÁC NHẬN CỦA QUỸ TDND" trên "GIẤY NHẬN NỢ" ký hiệu A2; chữ ký dưới mục "Giám đốc" trên 05 "PH THU" ký hiệu từ A4 đến A8; chữ ký dưới mục "Giám đốc" trên 05 "CHỨNG TỪ CHUYỂN KHOẢN" ký hiệu từ A12 đến A16 so với chữ ký của Phan Việt A trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M9 là do cùng một người ký ra.

+ Chữ viết "Hoàng Đình H2" dưới mục "Người nộp" trên 05 "PH THU" ký hiệu từ A4 đến A8 so với chữ viết của Hoàng Đình H2 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M10 đến M15 là do cùng một người viết ra.

+ Chữ ký dưới mục "Kiểm soát" trên "PH CHI" ký hiệu A1; chữ ký dưới mục "Kiểm soát" trên 07 "PH THU" ký hiệu từ A4 đến A9 và A11; chữ ký dưới mục "Kiểm soát" trên 05 "CHỨNG TỪ CHUYỂN KHOẢN" ký hiệu từ A12 đến A16 của hồ sơ vay vốn Phan Thị T4 so với chữ ký của Đào Thị B trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M21 đến M27 là do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký dưới mục "Kế toán" trên 05 "PH THU" ký hiệu từ A4 đến A8; chữ ký dưới mục "Kế toán" trên 05 "CHỨNG TỪ CHUYỂN KHOẢN" ký hiệu từ A12 đến A16 của hồ sơ vay vốn Phan Thị T4 so với chữ ký của Lăng Thị Minh C1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M32 đến M36 là do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký dưới mục "Thủ quỹ" trên "PH CHI" ký hiệu A1; chữ ký dưới mục "NGƯỜI CHI TIỀN" trên "BẢNG KÊ CÁC LOẠI TIỀN LĨNH" ký hiệu A3; chữ ký dưới mục "NGƯỜI THU TIỀN" trên "BẢNG KÊ CÁC LOẠI TIỀN NỘP" ký hiệu A17 của hồ sơ vay vốn Phan Thị T4 so với chữ ký của Phan Thị H5 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M16 đến M20 và M47, M48 là do cùng một người ký ra.

- *Kết luận giám định số 89/KL-PC09(Đ3) ngày 17/3/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An, (bút lục số 39-41 tập hồ sơ số 6) kết luận:*

+ Chữ ký, chữ viết dưới mục "Người nhận" trên "PH CHI" ký hiệu A1; chữ ký, chữ viết dưới mục "NGƯỜI LĨNH TIỀN" trên "BẢNG KÊ CÁC LOẠI TIỀN LĨNH" ký hiệu A2; chữ ký, chữ viết dưới mục "KHÁCH HÀNG" trên "GIẤY NHẬN NỢ" ký hiệu A3; chữ viết dưới mục "Người nộp" trên 03 "PH THU" ký hiệu từ A5 đến A7 so với chữ ký, chữ viết của Phan Thị T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký dưới mục "Người nộp" trên 04 "PH THU" ký hiệu từ A8 đến A11 so với chữ ký của Phan Tiến H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M9 đến M12 là do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký dưới mục "Giám đốc" trên "PH CHI" ký hiệu từ A1; chữ ký dưới mục "Giám đốc" trên 07 "PH THU" ký hiệu từ A5 đến A11; chữ ký dưới mục "Giám đốc" trên 03 "CHỨNG TỪ CHUYỂN KHOẢN" ký hiệu từ A12, A14, A15 là hình dấu chữ ký (không phải chữ ký trực tiếp).

+ Chữ ký dưới mục "Kiểm soát" trên 04 "PH THU" ký hiệu từ A8 đến A11; chữ ký dưới mục "Kiểm soát" trên 03 "CHỨNG TỪ CHUYỂN KHOẢN" ký hiệu A12, A14, A15 so với chữ ký của Đào Thị B trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M13 đến M19 là do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký dưới mục "Kế toán" trên 07 "PH THU" ký hiệu từ A5 đến A11; chữ ký dưới mục "Kế toán" trên 03 "CHỨNG TỪ CHUYỂN KHOẢN" ký hiệu từ A12, A14, A15 so với chữ ký của Lăng Thị Minh C1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M31 đến M35 là do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký dưới mục "Kế toán" trên "PH CHI" ký hiệu A1 so với chữ ký của Nguyễn Thị H4 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M25 đến M30 là do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký dưới mục "Thủ quỹ" trên "PH CHI" ký hiệu A1; chữ ký dưới mục "NGƯỜI CHI TIỀN" trên "BẢNG KÊ CÁC LOẠI TIỀN LĨNH" ký hiệu A2; chữ ký dưới mục "Thủ quỹ" trên "PH THU" ký hiệu A8 so với chữ ký của Phan Thị H5 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M41 đến M45 và M60, M48 là do cùng một người ký ra.

- *Kết luận giám định số 90/KL-PC09(Đ3) ngày 17/3/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An, (bút lục số 42-45 tập hồ sơ số 6) kết luận:*

+ Chữ ký, chữ viết dưới mục "Người nhận" trên "PH CHI" ký hiệu A1; chữ ký, chữ viết dưới mục "KHÁCH HÀNG" trên "GIẤY NHẬN NỢ" ký hiệu A2; chữ viết dưới mục "Người nộp" trên "PH THU" ký hiệu từ A13; chữ ký, chữ viết dưới mục "Người nộp" trên "PH THU" ký hiệu từ A14; chữ ký, chữ viết dưới mục "Người nhận" trên "PH XUẤT NGOẠI BANG" ký hiệu A20; chữ ký, chữ viết dưới mục "NGƯỜI CHI TIỀN" trên "BẢNG KÊ CÁC LOẠI TIỀN LĨNH" ký hiệu A21; chữ ký dưới mục "NGƯỜI NỘP TIỀN" trên "BẢNG KÊ CÁC LOẠI TIỀN NỘP" ký hiệu A23 so với chữ ký, chữ viết của Phạm Thị Phương T1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2, M3, M4 không phải do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết dưới mục "KHÁCH HÀNG" trên "GIẤY NHẬN NỢ" ký hiệu A3; chữ ký, chữ viết dưới mục "Người nhận" trên "PH CHI" ký hiệu từ A4; chữ ký, chữ viết dưới mục "NGƯỜI LĨNH TIỀN" trên "BẢNG KÊ CÁC LOẠI

TIỀN LĨNH" ký hiệu A22 so với chữ ký, chữ viết của Lê Thị Thu H1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M10 đến M13 là do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký dưới mục "Giám đốc" trên "PH CHI" ký hiệu A1; chữ ký dưới mục "XÁC NHẬN CỦA QUỶ" trên "GIẤY NHẬN NỢ" ký hiệu A2; chữ ký dưới mục "Người nộp" và mục "Giám đốc" trên 05 "PH THU" ký hiệu từ A5 đến A9; chữ ký dưới mục "Người nộp" trên 03 "PH THU" ký hiệu từ A10 đến A12; chữ ký dưới mục "Người nộp" trên 02 "PH THU" ký hiệu A13, A14; chữ ký dưới mục "Người nhận" và mục "Giám đốc" trên 05 "PH XUẤT NGOẠI BANG" ký hiệu từ A15 đến A19; chữ ký dưới mục "Giám đốc" trên "PH XUẤT NGOẠI BANG" ký hiệu A20; chữ ký dưới mục "NGƯỜI NỘP TIỀN" trên "BẢNG KÊ CÁC LOẠI TIỀN NỘP" ký hiệu A25 so với chữ ký của Phan Việt A trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5 đến M9 là do cùng một người ký ra.

+ Chữ viết dưới mục "Người nộp" trên 03 "PH THU" ký hiệu từ A10 đến A12; chữ viết dưới mục "NGƯỜI NỘP TIỀN" trên "BẢNG KÊ CÁC LOẠI TIỀN NỘP" ký hiệu A25 so với chữ viết của Phan Việt A trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5 đến M9 là do cùng một người viết ra.

+ Chữ ký dưới mục "XÁC NHẬN CỦA QUỶ" trên "GIẤY NHẬN NỢ" ký hiệu A3; chữ ký dưới mục "P.Giám đốc" trên "PH CHI" ký hiệu A4; chữ ký dưới mục "P.Giám đốc" trên 03 "PH THU" ký hiệu từ A10 đến A12 so với chữ viết của Hoàng Đình H2 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M14 đến M19 là do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký dưới mục "Kiểm soát" trên 02 "PH CHI" ký hiệu A1, A4; chữ ký dưới mục "Kiểm soát" trên 07 "PH THU" ký hiệu từ A6 đến A12; chữ ký dưới mục "Kiểm soát" trên 04 "PH XUẤT NGOẠI BANG" ký hiệu từ A16 đến A19 so với chữ ký của Đào Thị B trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M20 đến M26 là do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký dưới mục "Kế toán" trên 06 "PH THU" ký hiệu từ A6 đến A9; chữ ký dưới mục "Kế toán" trên 05 "PH XUẤT NGOẠI BANG" ký hiệu từ A16 đến A20 so với chữ ký của Lăng Thị Minh C1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M32 đến M36 là do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký dưới mục "Kế toán" trên "PH CHI" ký hiệu A4 so với chữ ký của Nguyễn Thị H4 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M42 đến M47 là do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký dưới mục "Thủ quỹ" trên "PH CHI" ký hiệu A1; chữ ký dưới mục "Thủ quỹ" trên 06 "PH THU" ký hiệu từ A6 đến A9 và A13, A14; Chữ ký dưới mục "NGƯỜI CHI TIỀN" trên "BẢNG KÊ CÁC LOẠI TIỀN LĨNH" ký hiệu A21; chữ ký dưới mục "NGƯỜI THU TIỀN" trên 02 "BẢNG KÊ CÁC LOẠI TIỀN

NỘP" ký hiệu A23, A24 so với chữ ký của Phan Thị H5 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M48 đến M52 và M68, M69 là do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký dưới mục "Thủ quỹ" trên "PH CHI" ký hiệu A4; chữ ký dưới mục "Thủ quỹ" trên "PH THU" ký hiệu A12; Chữ ký dưới mục "NGƯỜI CHI TIỀN" trên "BẢNG KÊ CÁC LOẠI TIỀN LĨNH" ký hiệu A22 so với chữ ký của Nguyễn Thị O trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M57 đến M61 là do cùng một người ký ra.

- *Kết luận giám định số 113/KLGD-NGA ngày 20/01/2020 của Ngân hàng Nhà nước, Chi nhánh tỉnh Nghệ An, (bút lục số 194-205 tập hồ sơ số 6) kết luận:*

+ Số tiền thiệt hại cho Quỹ tín dụng NDTT Yên T (tính đến ngày 26/8/2019) của hợp đồng vay vốn Phạm Thị Phương T1 là không gây thiệt hại cho Quỹ tín dụng NDTT Yên T. Bồi lẽ khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 212110.06.18011/HĐTD ngày 03/5/2018 mang tên Phạm Thị Phương T1 đã được tất toán ngày 09/7/2018.

+ Số tiền thiệt hại cho Quỹ tín dụng NDTT Yên T (tính đến ngày 26/8/2019) của hợp đồng vay vốn Lê Thị H là 2.500.000.000 đồng.

+ Số tiền thiệt hại cho Quỹ tín dụng NDTT Yên T (tính đến ngày 26/8/2019) của hợp đồng vay vốn Phan Thị T là 1.830.000.000 đồng.

+ Số tiền thiệt hại cho Quỹ tín dụng NDTT Yên T (tính đến ngày 26/8/2019) của hợp đồng vay vốn Phan Thị T4 là 1.413.358.000 đồng.

Tổng số tiền thiệt hại của 03 hợp đồng vay vốn nêu trên là: 5.743.358.000 (*Năm tỷ bảy trăm bốn mươi ba triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn*) đồng.

Tại bản cáo trạng số 112/CT-VKS-P3 ngày 15/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố các bị cáo Phan Việt A, Phan Tiến H, Hoàng Đình H2, Nguyễn Thị H3, Lãng Thị Minh C1, Đào Thị B, Nguyễn Thị H4 và Phan Thị H5 về tội "*Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng*" quy định tại khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009). Bị cáo Nguyễn Thị O, bị truy tố về tội "*Vi phạm về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng*" quy định tại khoản 3 Điều 206 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phan Việt A, Phan Tiến H, Lãng Thị Minh C1 phạm tội "*Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng*" quy định tại khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Căn cứ khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa

đổi bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Phan Tiến H 05 năm tù. Được trừ thời gian tạm giam từ ngày 13/02/2020 đến ngày 11/6/2020. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Căn cứ khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Phan Việt A 03 năm tù. Được trừ thời gian tạm giam từ ngày 04/10/2019 đến ngày 22/01/2020. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Lăng Thị Minh C1 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, quyết định về trách nhiệm dân sự, giải quyết án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật cho các bị cáo và nguyên đơn dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 20/5/2021, bị cáo Phan Việt A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 21/5/2021, bị cáo Phan Tiến H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 25/5/2021, bị cáo Lăng Thị Minh C1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đến ngày 15/9/2021, thì bị cáo Lăng Thị Minh C1 đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo và Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Phan Tiến H và bị cáo Phan Việt A đều thành khẩn khai báo và nhận tội như bản án sơ thẩm đã quy kết đối với các bị cáo và các bị cáo đều xin được KH4n H6 giảm nhẹ, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương, vì các bị cáo đã hối hận về hành vi trái pháp luật của mình gây ra; các bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn; Hơn nữa đối với bị cáo Phan Việt A đã tìm mọi cách vay mượn tiền để khắc phục hậu quả của vụ án và đã khắc phục đầy đủ như quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Sau khi kiểm tra tính có căn cứ pháp luật của bản án sơ thẩm đã khẳng định: Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án các bị cáo về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ bị cáo là người thờ cúng liệt sỹ và bị cáo đã khắc phục được 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát cấp phúc thẩm thấy rằng hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, tòa án cấp sơ thẩm ấn định mức hình phạt 05 năm tù là đã có sự KH4n H6 giảm nhẹ cho bị cáo, nay bị cáo mới bồi thường thêm được 10 triệu là quá ít; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo H, để giữ nguyên quyết định của bản án sơ

thâm. Đối với bị cáo Phan Việt A thì sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện bồi thường được số tiền nhiều hơn bị cáo H rất nhiều, cụ thể là bị cáo đã khắc phục thừa so với số tiền mà bản án sơ thẩm đã tuyên xử đối với bị cáo Việt A; Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ cho bị cáo Việt A từ 06 tháng đến 12 tháng tù như Hướng dẫn tại Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP đối với nhóm tội phạm về tham nhũng và tội phạm về chức vụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến tranh luận của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về vụ án như sau:

1. Về tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đơn kháng cáo của các bị cáo gửi trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

2. Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Phan Tiến H, Phan Việt A tiếp tục thành khẩn khai nhận là các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết về hình vi phạm tội của các bị cáo là đúng pháp luật, các bị cáo không có ý kiến gì khác ngoài đề nghị xin được KH4n H6, giảm nhẹ mức hình phạt tù để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất nghiêm trọng, bởi vì: Do quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của quỹ tín dụng bị thua lỗ, dư nợ xấu ngày một tăng, nhưng lại muốn tiếp tục được hoạt động bình thường không bị đổ vỡ và để tránh sự kiểm tra – kiểm soát của Ngân hàng cấp trên; do đó, kể từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 7 năm 2018, Phan Tiến H lúc đó là Chủ tịch HĐQT Quỹ tín dụng và Phan Việt A lúc đó là Giám đốc Quỹ tín dụng đã thống nhất chỉ đạo cán bộ dưới quyền lập 04 hồ sơ vay vốn của các khách hàng để lấy tiền giải quyết số nợ xấu. Hành vi của các bị cáo là hành vi phạm tội vì đã thực hiện không đúng quy định về tín dụng, không đúng quy định về nhu cầu vốn vay, không đúng quy định về công tác thẩm định về những nhu cầu vốn không được cho vay, không đúng quy định về nhận tài sản đảm bảo, không đúng về giải ngân vốn vay, đã giả mạo chữ ký của người khác để lập không hồ sơ và sau đó tiếp tục chỉ đạo giải ngân đối với số tiền bị thua lỗ 5.743.358.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm khoản 5 Điều 8 về quy định cho vay do ngành Ngân hàng Nhà nước quy định.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án này, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy: Đối với bị cáo Phan Tiến H có vai trò vị trí là đầu vụ, vì bị cáo giữ vai trò Chủ tịch HĐQT, là trưởng ban tín dụng của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn

Yên T và là người đại diện theo pháp luật của Quỹ tín dụng, nên phải chịu trách nhiệm chính trong quá trình quản lý, theo dõi, đôn đốc xử lý rủi ro về hoạt động tín dụng, phải chịu trách nhiệm bồi thường vật chất khi không hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tiếp theo sau vai trò vị trí của bị cáo Phan Tiến H là bị cáo Phan Việt A, vì: Bị cáo Phan Việt A là Giám đốc Quỹ tín dụng thì Việt A phải có trách nhiệm tổ chức thực hiện các Quyết định của HĐQT, ký kết các hợp đồng với tư cách nhân danh quỹ tín dụng và phải chịu trách nhiệm trước HĐQT của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Yên T và mọi hoạt động của Quỹ tín dụng, nhưng bị cáo lại cùng bàn bạc, thống nhất với bị cáo Phan Tiến H để thực hiện các hành vi trái pháp luật như đã nêu trên và đã gây thiệt hại cho quỹ tín dụng 5.743.358.000 đồng.

Do các bị cáo Phan Tiến H và Phan Việt A đã thực hiện hành vi phạm tội như trên, nên bị Tòa án cấp sơ thẩm là Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An áp dụng pháp luật để xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù mà không cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với tính chất – mức độ về hành vi phạm tội của các bị cáo và đúng pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, thấy: Sở dĩ các bị cáo phải thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên là vì mong muốn quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Yên T được duy trì hoạt động, các bị cáo lại không nhằm mục đích tư lợi cá nhân, sau khi vụ án bị phát hiện thì các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối hận về việc làm của mình; do đó, trong quá trình điều tra vụ án các bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả, cụ thể bị cáo Phan Việt A đã tìm mọi cách khắc phục hậu quả cho quỹ tín dụng và bị cáo đã khắc phục xong và còn nộp thừa 25.381.000 đồng ngoài số tiền khắc phục hơn 1 tỷ đồng mà bị cáo phải có trách nhiệm khắc phục hậu quả; còn đối với bị cáo Phan Tiến H thì đã khắc phục được 25.000.000 đồng và sau khi xét xử sơ thẩm đã nộp tiếp được 10.000.000 đồng nữa. Ngoài ra, các bị cáo còn có nhiều tình tiết giảm nhẹ khác như gia đình các bị cáo là gia đình có công với Cách mạng, bố mẹ của các bị cáo được tặng thưởng nhiều Huân – Huy chương, các bị cáo thì đã có công phát hiện tố giác tố phạm giúp cho cơ quan công an tỉnh Nghệ An phát hiện xử lý tội phạm, cũng như được tặng bằng khen của Thống đốc Ngân hàng nhà nước và của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An. Vì vậy, xét các bị cáo có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng lại không có tình tiết tăng nặng. Nên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, thấy cần thiết phải giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt tù để thể hiện chính sách KH4n H6 của pháp luật đối với các bị cáo vì đã có những tình tiết giảm nhẹ như đã nêu trên, nhưng vẫn phải áp dụng hình phạt tù mức hình phạt phù hợp với chức tước, nhiệm vụ và phần khắc phục hậu quả đối với các bị cáo thì mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và mới có tác dụng răn đe phòng ngừa tội phạm chung, khi mà các loại tội phạm trong hệ thống ngành Ngân hàng vẫn xảy ra nhiều, ảnh hưởng đến hoạt

động, phát triển của nền kinh tế. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo Phan Tiến H, mà chỉ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo Phan Việt A, vì bị cáo A đã khắc phục toàn bộ hậu quả của vụ án do bị cáo gây ra và phải có trách nhiệm khắc phục như quyết định của bản án sơ thẩm.

3. Về án phí: Các bị cáo kháng cáo được chấp nhận, không phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

4. Về quyết định khác: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Tiến H và Phan Việt A.

2. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HS-ST ngày 11-5-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và phần hình phạt tù của các bị cáo, cụ thể như sau:

Tuyên bố: Các bị cáo Phan Tiến H, Phan Việt A đều phạm tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”.

Áp dụng khoản 3 Điều 179; các điểm b, s, đ khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 BLHS năm 1999, xử phạt Phan Tiến H 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bắt đi thi hành án (được trừ thời gian bị cáo đã bị bắt tạm giữ, giam trước đó từ ngày 13/02/2020 đến ngày 11/6/2020).

Áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật Hình sự 1999; Các điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015; Xử phạt Phan Việt A 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bắt đi thi hành án (được trừ thời gian bị cáo đã bị bắt tạm giữ, giam trước đó từ ngày 04/10/2019 đến ngày 22/01/2020).

3. Về án phí: Các bị cáo Phan Tiến H và Phan Việt A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các bị cáo (qua đ/c);
- Lưu Hồ sơ; HCTP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hùng